



# K T Q U H C T P C U I N M

## END OF YEAR RESULTS

### The Academic Year 2015 - 2016

**L p: B n 1**

**Class 4-01**

STT No.	H tên Full Name	Ti ng Vi t Vietnamese	Toán Maths	Khoa h c Science	L ch s - a lí History - Geography	o c Morality	Âm nh c Music	M thu t Fine Arts	K thu t Handicrafts	Th d c Physical Education	N ng l c Conduct	Ph m ch t Personal Qualities
1	Lý Ph ng Anh (Li Feng Ying)	10	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
2	L u Ng c Thu An	6	7	9	8	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
3	Nguy n Liêu Thái Anh	9	6	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
4	Nguy n Ng c Cát	8	9	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
5	H T n D ng	8	8	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
6	Hu nh Gia Hân	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
7	ng Thanh H i	7	8	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
8	Hoàng H i Khang	9	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
9	u Gia Khánh	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
10	Nguy n Hoàng B o Long	9	9	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
11	Lê Anh Minh	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
12	Nguy n H ng Khánh Ngân	9	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
13	Hàng B o Ng c	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
14	Võ Nguy n Minh Nguy t	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
15	Tr n Cao Nhân	8	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
16	Nguy n T n Phát	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
17	Ph m Tr ng Hi p Phú	9	10	8	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
18	Ung Ng c Di m Qu nh	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
19	Phan Tr ng Tu	9	9	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
20	Lý T ng Vy	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
21	Nguy n Th Thanh Vy	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
22	Hu nh Ph ng H i Y n	8	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t

GVCN/Class teacher

G CTVN/VP. Manager

Ki m tra/Checked by

Ph m Th Thanh Huy n

Nguy n Minh Khoa

Ph m Th Nh Ái



K T Q U H C T P C U I N M

END OF YEAR RESULTS

The Academic Year 2015 - 2016

L p: B n 2

Class 4-02

STT No.	H tên Full Name	Ti ng Vi t Vietnamese	Toán Maths	Khoa h c Science	L ch s - a lí History - Geography	o c Morality	Âm nh c Music	M thu t Fine Arts	K thu t Handicrafts	Th d c Physical Education	N ng l c Conduct	Ph m ch t Personal Qualities
1	Tr n Ng y n Nh Anh	6	6	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
2	inh Ng c B o Châu	9	8	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
3	D B o Duy	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
4	Ng y n Thanh H u	8	8	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
5	Ng y n Quang Trung H u	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
6	Ng y n Phúc S Hoàng	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
7	Ph m Công Nam Huy	7	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
8	Milton John Khang	8	6	8	6	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
9	Lê Hoàng Nh t Khôi	10	10	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
10	Ngô Hu nh Trung Kiên	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
11	Ng y n Võ Ng c Linh	10	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
12	Ng y n H u L ng	8	7	9	7	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
13	Lê Quang Minh	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
14	Tr nh Vi t Quang	10	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
15	Võ Ng c Thu Quyên	9	8	8	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
16	Ng y n Ng c Di m Qu nh	9	7	9	5	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
17	Hu nh Ng y n Tr ng Tín	9	7	10	7	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
18	Lê Qu nh Trâm	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
19	Ng y n Th Ph ng Trang	10	9	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
20	Ng y n Nh t Trí	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
21	Tr n Ph m Ph ng Vy	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t

GVCN/Class teacher

G CTVN/VP. Manager

Ki m tra/Checked by

Ph m Th Di u H ng

Ng y n Minh Khoa

Ph m Th Nh Ái



**K T Q U H C T P C U I N M**  
**END OF YEAR RESULTS**  
**The Academic Year 2015 - 2016**

**L p: B n 3**  
**Class 4-03**

STT No.	H tên Full Name	Ti ng Vi t Vietnamese	Toán Maths	Khoa h c Science	L ch s - a lí History - Geography	o c Morality	Âm nh c Music	M thu t Fine Arts	K thu t Handicrafts	Th d c Physical Education	N ng l c Conduct	Ph m ch t Personal Qualities
1	Nguy n Tr n C m An	10	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
2	Yi Zi Cong	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
3	Bùi M nh C ng	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
4	V ng Ph m Gia Hân	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
5	Tr n H ng Hà	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
6	H Nguy n Ph ng Hoa	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
7	Tr nh Quang Huy	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
8	Phan Anh Minh	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
9	Lê Ti u My My	9	9	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
10	Nguy n Hoàng Khánh an	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
11	Phan ng Ngh a	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
12	Châu B o Ng c	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
13	D ng Thanh Ng c	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
14	Nguy n Ng c N	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
15	Nguy n Thiên Phúc	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
16	Lê Hoàng Quân	7	10	9	8	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
17	Nguy n Minh Quân	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
18	Nguy n Vi t Minh Quân	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
19	Nguy n Thu Khánh Qu nh	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
20	Nguy n c Trung	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
21	Ph m Ng c Qu c Vi t	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
22	Nguy n Hà Y n	10	10	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t

GVCN/Class teacher

G CTVN/VP. Manager

Ki m tra/Checked by

Ph m Th Bích Th o

Nguy n Minh Khoa

Ph m Th Nh Ái



**K T Q U H C T P C U I N M**  
**END OF YEAR RESULTS**  
**The Academic Year 2015 - 2016**

**L p: B n 4**  
**Class 4-04**

STT No.	H tên Full Name	Ti ng Vi t Vietnamese	Toán Maths	Khoa h c Science	L ch s - a lí History - Geography	o c Morality	Âm nh c Music	M thu t Fine Arts	K thu t Handicrafts	Th d c Physical Education	N ng l c Conduct	Ph m ch t Personal Qualities
1	Nguy n Long Bình	10	8	9	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
2	Lê Ng c B i	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
3	Nguy n H ng H nh	7	5	9	8	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
4	Nguy n Bùi Thu Hi n	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
5	Nguy n Công Huy	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
6	Nguy n Thanh Huy	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
7	L ng Nguy n Minh Khoa	9	9	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
8	ng Khôi	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
9	Lê Hoàng Chi Lan	9	9	10	8	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
10	Nguy n Tr ng Anh Minh	9	6	9	8	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
11	Nguy n Minh ng	10	9	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
12	Ngô Tu n Nam	8	9	10	7	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
13	Nguy n Hoàng Xuân Nghi	9	8	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
14	La Uyên Nhi	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
15	Tr n B o Uyên Ph ng	10	10	9	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
16	Nguy n Minh Thy	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
17	Nguy n Thái Ng c Trâm	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
18	Nguy n Minh Tri t	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
19	Lê Minh Tu n	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
20	Ph m Danh Tùng	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t

GVCN/Class teacher

G CTVN/VP. Manager

Ki m tra/Checked by

Lê Th Phúc Th y

Nguy n Minh Khoa

Ph m Th Nh Ái



K T Q U H C T P C U I N M

END OF YEAR RESULTS

The Academic Year 2015 - 2016

L p: B n 5

Class 4-05

STT No.	H tên Full Name	Ti ng Vi t Vietnamese	Toán Maths	Khoa h c Science	L ch s - a lí History - Geography	o c Morality	Âm nh c Music	M thu t Fine Arts	K thu t Handicrafts	Th d c Physical Education	N ng l c Conduct	Ph m ch t Personal Qualities
1	Hu nh Hoàng Yên Chi	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
2	Song Nghi Doan	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
3	V c Duy	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
4	Nguy n Qu nh H ng	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
5	Nguy n Khánh H ng	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
6	Nguy n Minh Hùng	9	9	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
7	Lê Nguyên Khánh	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
8	Nguy n Nam Anh Khôi	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
9	Tr n H Hoàng Long	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
10	Nguy n c M nh	9	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
11	Lê Nguy n Giáng My	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
12	Tr n Thanh Khánh Ngân	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
13	Nguy n H B o Ng c	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
14	Nguy n Thanh Thu Nhi	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
15	Nguy n Lê Th o Nhi	10	9	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
16	Tr n Tâm Nh	9	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
17	Nguy n S Lê ình	9	10	10	9	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
18	Nguy n Khánh Phi	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
19	Ph m Ng c Minh Th	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
20	Nguy n Công T ng	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t
21	V Ng c Minh Uyên	10	10	10	10	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	Hoàn thành	t	t

GVCN/Class teacher

G CTVN/VP. Manager

Ki m tra/Checked by

Lê Thanh Huy n

Nguy n Minh Khoa

Ph m Th Nh Ái